**TUẦN 20 BÀI 4**

**GIẢI THƯỞNG TÌNH BẠN**

1. **MỤC TIÊU**
2. **Kiến thức**

- Hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến văn bản; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.

 **2. Kĩ năng**

- Phát triển kỹ năng đọc thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một câu chuyện ngắn và đơn giản, không có lời thoại; đọc đúng các vần oăng, oac, oach và các tiếng, từ ngữ có các vần này.

- Phát triển kĩ năng viết thông qua các hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong văn bản đọc; hoàn thiện câu dựa vào những từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện; nghe viết một đoạn văn ngắn.

- Phát triển kĩ năng nói và nghe thông qua hoạt động trao đổi về nội dung của văn bản và nội dung được thể hiện trong tranh.

 **3. Thái độ**

- Thể hiện được sự quan tâm, giúp đỡ bạn bè, khả năng làm việc nhóm.

**II. CHUẨN BỊ**

- Nắm được các đặc điểm của văn bản (truyện không có lời thoại); nội dung của VB Giải thưởng tình bạn; cách thể hiện đặc điểm nhân vật và quan hệ giữa các nhân vật trong câu chuyện.

- Nắm được đặc điểm phát âm, cấu tạo các vần oăng, oac, oach; nghĩa của các từ ngữ khó trong VB (vạch xuất phát, lấy đà, trọng tài, ngã oạch) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

- Tranh minh họa có trong SHS (tranh ngan vịt cứu gà; tranh bé học; chơi, ăn, vẽ cùng bạn) được phóng to hoặc qua máy chiếu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gìáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động** - HS nhắc lại tên bài học trước và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.- GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để nói về những gì em thấy trong tranh.+ Tranh có những nhân vật nào?+ Những nhân vật này đang làm gì?- GV thống nhất câu trả lời (Tranh có gà, ngan, vịt; Ngan, vịt giúp gà bơi vào bờ.)- GV dẫn vào bài đọc Giải thưởng tình bạn. | - HS nhắc lại-HS quan sát tranh-HS trả lời: có gà, ngan,vịt- HS trả lời- HS lắng nghe |
| **2. Đọc****-** GV đọc mẫu toàn VB.- GV hướng dẫn HS luyện phát âm một số từ ngữ có vần mới.+ Yêu cầu HS làm việc nhóm đôi để tìm từ ngữ có tiếng chứa vần mới trong VB: oăng (hoẵng), oac ( xoạc chân), oach (ngã oạch).+ GV đưa những từ ngữ này lên bảng và hướng dẫn HS đọc. GV đọc mẫu lần lượt từng vần và từ ngữ chứa vần đó, HS đọc theo đồng thanh.+ Yêu cầu HS đọc.- Yêu cầu HS đọc câu+ Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 1. GV hướng dẫn HS đọc một số từ ngữ (vạch xuất phát, ra hiệu).+ Một số HS đọc nối tiếp câu lần 2. GV hướng dẫn HS đọc những câu dài( Trước vạch xuất phát/ nai và hoẵng/ xoạc chân lấy đà; Sau khi trọng tài ra hiệu/ hai bạn/ lao như tên bắn; Nhưng cả hai/ đều được tặng/ giải thưởng tình bạn.)- Yêu cầu HS đọc đoạn.+ GV chia VB thành các đoạn (Đoạn 1: từ đầu đến đứng dậy, đoạn 2: phần còn lại).+ Một số HS đọc nối tiếp từng đoạn lượt 2+ GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài (vạch xuất phát: đường thẳng được kẻ trên mặt đất để đánh dấu chỗ đứng của các vận động viên trước khi bắt đầu thi chạy; lấy đà: tạo ra cho mình một thế đứng phù hợp để có thể bắt đầy chạy; trọng tài: người điều khiển và xác định thành tích trong cuộc thi; ngã oạch: ở đây ý nói ngã mạnh.).+ HS đọc đoạn theo nhóm-HS và GV đọc toàn VB.+ HS đọc thành tiếng toàn VB.+ GV đọc lại toàn VB và chuyển tiếp sang phần trả lời câu hỏi. | - HS lắng nghe-HS làm việc nhóm-HS quan sát và lắng nghe, đọc đồng thanh.- 2-3 HS đánh vần, đọc trơn, sau đó cả lớp đọc đồng thanh một số lần.-HS đọc nối tiếp.-HS lắng nghe và đọc.- HS đọc nối tiếp lần 2.-HS lắng nghe đọc theo hướng dẫn.-HS lắng nghe.-HS đọc nối tiếp.- HS lắng nghe-HS đọc-1-2 HS đọc-HS lắng nghe |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **3. Trả lời câu hỏi**- GV yêu cầu HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi.+ Đôi bạn trong câu chuyện là ai?+ Vì sao hoẵng bị ngã ?+ Khi hoẵng ngã, nai đã làm gì ?- GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá.- GV và HS thống nhất câu trả lời :+ Đôi bạn trong câu chuyện là nai và hoẵng .+ Hoẵng bị ngã vì vấp phải một hòn đá.+ Khi hoẵng ngã, nai vội dừng lại, đỡ hoẵng dậy.**4. Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi c ở mục 3.**- GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi c và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở ( Khi hoẵng ngã, nai vội dừng lại, đỡ hoẵng đứng dậy.)- GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu câu ; đặt dấu chấm, dấu phẩy đúng vị trí.- GV kiểm tra, nhận xét bài của một số HS. | - HS lắng nghe-HS trả lời : nai và hoẵng-HS trả lời : vì vấp phải hòn đá-HS trả lời : dừng lại và đỡ bạn.- HS nhận xét- HS lắng nghe-HS lắng nghe, viết vào vở. |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**TIẾT 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở.**- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu.- GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả.- GV và HS thống nhất câu hoàn chỉnh ( Khi học múa, em phải tập xoạc chân.)- GV yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở.- GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.**6. Quan sát tranh và kể lại câu chuyện Giải thưởng tình bạn.****-** Yêu cầu HS đọc thầm lại câu chuyện.- GV hướng dẫn HS quan sát tranh, nói về nội dung của từng tranh.+ Tranh 1: Nai, hoẵng xoạc chân đứng trước vạch xuất phát cùng các con vật khác, trọng tài sư tử cầm cờ.+ Tranh 2: Nai và hoẵng nai đang chạy ở vị trí dẫn đầu đoàn đua.+ Tranh 3: Hoẵng vấp ngã, nai đang giúp hoẵng đứng dậy.+ Tranh 4: Nai và hoẵng nhận giải thưởng giải thưởng. Giải thưởng có dòng chữ: Giải thưởng tình bạn.-GV tổ chức cho HS kể lại chuyện theo tranh theo từng nhóm dựa vào từ ngữ gợi ý.- GV cho một vài nhóm trình bày trước nhóm.- GV và HS nhận xét. | - HS lắng nghe.-HS trả lời.-HS lắng nghe.-HS viết vào vở.-HS lắng nghe.- HS đọc thầm.- HS quan sát, lắng nghe-HS kể lại câu chuyện theo tranh.-HS trình bày.-HS lắng nghe. |

**TIẾT 4**

|  |  |
| --- | --- |
| **7. Nghe viết**- GV đọc to cả hai câu. ( Nai và hoẵng về đích cuối cùng. Nhưng cả hai đều được tặng giải thưởng.)- GV lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong đoạn viết:+ Viết lùi vào đầu dòng. Viết hoa chữ cái đầu câu, kết thúc câu có dấu chấm.+ Chữ dễ viết sai chính tả như hoẵng, tặng, thưởng.- GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách.- Đọc và viết chính tả:+ GV đọc từng câu cho HS viết. Những câu dài cần đọc theo cụm từ ( Nai và hoẵng/ về đích cuối cùng./ Nhưng cả hai/ đều được tặng giải thưởng.). Mỗi cụm từ đọc 2-3 lần. GV đọc rõ ràng. Chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS.+ Sau khi HS viết chính tả, GV đọc lại một lần toàn đoạn văn và yêu cầu HS rà soát lỗi.+ Yêu cầu HS đổi vở để soát lỗi.+ GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.**8. Chọn vần phù hợp thay cho ô vuông.**- GV sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ để hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu.- GV nêu nhiệm vụ. Yêu cầu HS làm việc nhóm đôi để tìm những vần phù hợp.- Yêu cầu 2-3 HS lên trình bày kết quả trước lớp.- Yêu cẩu 2 – 3 HS đọc to các từ ngữ. Sau đó cả lớp đọc đồng thanh.**9. Quan sát tranh và dùng từ ngữ để nói theo tranh.**- GV giới thiệu tranh và hướng dẫn HS quan sát tranh.- Yêu cầu HS làm việc nhóm, quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh, có thể dùng các từ ngữ đã gợi ý.- GV gọi một số HS trình bày kết quả nói theo tranh.+ Tranh 1: Các bạn nhỏ cùng học với nhau.+ Tranh 2: Các bạn nhỏ cùng ăn với nhau.+ Tranh 3: Các bạn nhỏ cùng vui chơi với nhau.+ Tranh 4: Các bạn nhỏ cùng nhau học vẽ.-HS và GV nhận xét.**10. Củng cố**- GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính.- GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS. | - HS lắng nghe.-HS lắng nghe.- HS lắng nghe-HS viết chính tả-HS lắng nghe, soát lỗi.-HS đổi vở, soát lỗi của bạn.-HS quan sát.-HS làm việc nhóm đôi.-HS trình bày.-HS đọc, cả lớp đọc.-HS quan sát.-HS làm việc nhóm.-HS trình bày.-HS lắng nghe.-HS nhắc lại.-HS lắng nghe. |

**BÀI 5**

**SINH NHẬT CỦA VOI CON**

1. **MỤC TIÊU**

- Hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến VB; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.

- Phát triển kĩ năng đọc thông qua vệc đọc đúng, rõ ràng một câu chuyện ngắn và đơn giản, không có lời thoại, đọc đúng các vần oam, oăc, uơ và các tiếng, từ ngữ có các vần này.

- Phát triển kĩ năng viết thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc; hoàn thiện câu dựa vào những từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện; nghe viết một đoạn văn ngắn, viết sáng tạo một câu ngắn.

- Phát triển kĩ năng nói và nghe thông qua hoạt động trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.

- Thể hiện được sự quan tâm, giúp đỡ bạn bè; khả năng làm việc nhóm, khả năng nhận biết và bày tỏ tình cảm, cảm xúc của bản thân.

**II CHUẨN BỊ**

- GV nắm được đặc điểm của truyện đồng thoại (truyện cho trẻ em trong đó có loài vật và các vật vô tri được nhân cách hóa để tạo nên một thế giới thần kì, thích hợp với trí tưởng tượng của trẻ em); nội dung của VB Sinh nhật của voi con; cách thể hiện đặc điểm nhân vật và quan hệ giữa các nhân vật trong câu chuyện.

- GV nắm được đặc điểm phát âm, cấu tạo các vần oam, oăc, uơ; nghĩa của các từ ngữ khó trong VB (ngoạm, tiết mục, ngúc ngoắc, mỏ khoằm, huơ vòi) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

- GV nắm được một số đặc tính của con vật sống trong rừng như: vẹt có mỏ khoằm, sóc và khỉ có đuôi dài, voi có vòi dài, gấu có thể ngoạm đồ ăn, thỏ thích ăn cà rốt.

- Tranh minh họa (tranh voi con, khỉ vàng, sóc nâu, gấu đen, vẹt mỏ khoằm, thỏ trắng).

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gìáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động** - HS nhắc lại tên bài học trước và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.- GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để nói về từng con vật trong tranh.+ Tranh có những con vật nào?+ Những con vật đó có gì đặc biệt?- GV thống nhất câu trả lời .- GV dẫn vào bài đọc Sinh nhật của voi con ( Các con vật có những đặc điểm, thói quen khác nhau nhưng chúng cũng luôn biết chia sẻ, quan tâm tới nhau. Điều đó sẽ được thể hiện rõ trong VB Sinh nhật của voi con.**2. Đọc****-** GV đọc mẫu toàn VB.- GV hướng dẫn HS luyện phát âm một số từ ngữ có vần mới.+ Yêu cầu HS làm việc nhóm đôi để tìm từ ngữ có tiếng chứa vần mới trong VB: oam (ngoạm), oăc ( ngúc ngoắc), oăm (mỏ khoằm), uơ (huơ vòi).+ GV đưa những từ ngữ này lên bảng và hướng dẫn HS đọc. GV đọc mẫu lần lượt từng vần và từ ngữ chứa vần đó, HS đọc theo đồng thanh.+ Yêu cầu 2-3 HS đánh vần, đọc trơn, sau đó cả lớp đọc đồng thanh một số lần.- Yêu cầu HS đọc câu+ Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 1. GV hướng dẫn HS đọc một số từ ngữ.+ Một số HS đọc nối tiếp câu lần 2. GV hướng dẫn HS đọc những câu dài( Khỉ vàng và sóc nâu/ tặng voi/ tiết mục “ngúc ngoắc đuôi”; Vẹt mỏ khoằm/ thay mặt các bạn/ nói những lời chúc tốt đẹp.)- Yêu cầu HS đọc đoạn.+ GV chia VB thành các đoạn (Đoạn 1: từ đầu đến tốt đẹp, đoạn 2: phần còn lại).+ Một số HS đọc nối tiếp từng đoạn 2 lượt + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài (ngoạm: cắn hoặc gặm lấy bằng cách mở to miệng; tiết mục: từng phần nhoe, mục nhỏ của một chương trình được đem ra trình diễn; ngúc ngoắc: cử động lắc qua lắc lại; mỏ khoằm: mỏ hơi cong và quặp vào; huơ vòi: giơ vòi lên và đưa qua đưa lại liên tiếp.+ HS đọc đoạn theo nhóm-HS và GV đọc toàn VB.+ 1-2 HS đọc thành tiếng toàn VB.+ GV đọc lại toàn VB và chuyển tiếp sang phần trả lời câu hỏi. | -HS nhắc lại.-HS quan sát tranh.-HS trả lời.- HS trả lời.- HS lắng nghe.- HS lắng nghe.- HS lắng nghe.-HS làm việc nhóm-HS quan sát và lắng nghe, đọc đồng thanh.-HS đọc.-HS đọc nối tiếp.-HS lắng nghe và đọc.- HS đọc nối tiếp lần 2.-HS lắng nghe đọc theo hướng dẫn.-HS lắng nghe.-HS đọc nối tiếp.- HS lắng nghe-HS đọc-HS đọc-HS lắng nghe |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **3. Trả lời câu hỏi**- GV yêu cầu HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi.+ Những bạn nào đến dự sinh nhật của voi con?+ Voi con làm gì để cảm ơn các bạn?+ Sinh nhật của voi con như thể nào ?- GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá.- GV và HS thống nhất câu trả lời ;+ Đến mừng sinh nhật voi con có bạn thỏ, gấu, khỉ ,sóc, vẹt.+ Voi con huơ vòi để cảm ơn các bạn.+ Sinh nhật của voi con rất vui.**4. Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi b ở mục 3.**- GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi b và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở ( Voi con huơ vòi để cảm ơn các bạn.)- GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu câu ; đặt dấu chấm, dấu phẩy đúng vị trí.- GV kiểm tra, nhận xét bài của một số HS. | - HS lắng nghe-HS trả lờikhỉ, vẹt, gấu…-HS trả lời :voi huơ vòi cảm ơn.-HS trả lời- HS nhận xét- HS lắng nghe-HS lắng nghe, viết vào vở. *Voi con huơ vòi để cảm ơn các bạn.* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**TIẾT 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở.**- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu.- GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả.- GV và HS thống nhất câu hoàn chỉnh ( Vân rất vui vì được đi chơi cùng các bạn.)- GV yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở.- GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.**6. Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh.****-** GV giới thiệu tranh và hướng dẫn HS quan sát tranh.- Yêu cầu HS làm việc nhóm, quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh, có dùng cá từ ngữ đã gợi ý.- GV gọi một số HS trình bày kết quả nói theo tranh.- HS và GV nhận xét. | - HS lắng nghe.-HS trả lời.-HS lắng nghe.-HS viết vào vở.-HS lắng nghe.- HS quan sát, lắng nghe-HS làm việc nhóm.-HS trình bày.-HS lắng nghe. |

**TIẾT 4**

|  |  |
| --- | --- |
| **7. Nghe viết**- GV đọc to cả hai câu. ( Các bạn chúc mừng sinh nhật voi con. Nó huơ vòi cảm ơn các bạn.)- GV lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong đoạn viết:+ Viết lùi vào đầu dòng. Viết hoa chữ cái đầu câu, kết thúc câu có dấu chấm.+ Chữ dễ viết sai chính tả như sinh- GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách.- Đọc và viết chính tả:+ GV đọc từng câu cho HS viết. Những câu dài cần đọc theo cụm từ ( Các bạn/ chúc mừng sinh nhật voi con./ Nó huơ vòi/ cảm ơn các bạn). Mỗi cụm từ đọc 2-3 lần. GV đọc rõ ràng. Chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS.+ Sau khi HS viết chính tả, GV đọc lại một lần toàn đoạn văn và yêu cầu HS rà soát lỗi.+ Yêu cầu HS đổi vở để soát lỗi.+ GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.**8. Tìm trong hoặc ngoài bài đọc Sinh nhật của voi con từ ngữ có tiếng chứa vần oăc, oac, uơ, ưa.**- GV nêu nhiệm vụ và lưu ý HS từ ngữ cần tìm có thể ở trong bài hoặc ngoài bài.- Yêu cầu HS làm việc nhóm đôi để tìm và đọc thành tiếng từ ngữ có tiếng chứa các vần oăc, oac, ươ, ưa.- Yêu cầu HS nêu những từ ngữ tìm được. GV viết những từ ngữ này lên bảng.- Yêu cầu 2-3 HS đánh vần, đọc trơn; mỗi HS chỉ đọc một số từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần**9. Nói lời chúc mừng sinh nhật một người bạn của em.**- GV gợi ý cho HS ý tưởng ( Vào ngày sinh nhật em muốn bạn chúc em như thế nào? Em muốn chúc bạn điều gì nhân ngày sinh nhật bạn?...).- GV cho HS thực hành nói lời chúc mừng sinh nhật theo nhóm đôi.- GV gọi một số HS trình bày kết quả.- GV lưu ý HS về cách nói lời chúc mừng sinh nhật bạn.**10. Củng cố**- GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính.- GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS. | - HS lắng nghe.-HS lắng nghe.- HS lắng nghe-HS viết chính tả-HS lắng nghe, soát lỗi.-HS đổi vở, soát lỗi của bạn.-HS lắng nghe-HS làm việc nhóm đôi.-HS trình bày.-HS đọc, cả lớp đọc.-HS lắng nghe-HS thực hành.-HS trình bày.-HS lắng nghe.-HS nhắc lại.-HS lắng nghe. |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**ÔN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

- Giúp HS củng cố và nâng cao một số kiến thức kĩ năng đã học trong bài Tôi và các bạn thông qua thực hành nhận biết và đọc những tiếng có vần khó vừa đọc; ôn và mở rộng vốn từ ngữ dùng để nói về bản thân và bạn bè; thực hành nói và viết sáng tạo về một chủ điểm cho trước.

- Bước đầu có khả năng khái quát hóa những gì đã học thông qua một số nội dung được kết nối từ các văn bản đã được học trong bài.

**II. ĐỒ DÙNG:**

- Vở bài tập Tiếng Việt.

- Tranh minh họa Nam nhờ bồ câu gửi thư.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gìáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Tìm từ ngữ có tiếng chứa vần oac, oăm, uơ, oach, oăng.**- GV nêu nhiệm vụ và lưu ý HS từ ngữ cần tìm có thể đã được học hoặc chưa được học.- GV chia các vần này thành 2 nhóm, yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ theo từng nhóm vần.- Nhóm vần thứ nhất:+ HS làm việc nhóm đôi để tìm và đọc từ ngữ có tiếng chứa các vần oac, oăc, oam, oăm.+ HS nêu những từ ngữ tìm được. GV viết những từ ngữ này lên bảng.+ 2-3 HS đánh vần, đọc trơn, mỗi HS chỉ đọc một số từ ngữ. Sau đó cả lớp đọc đồng thanh một số lần.- Nhóm vần thứ hai:+ HS làm việc nhóm đôi để tìm và đọc từ ngữ có tiếng chứa các vần uơ, oach, oăng.+ HS nêu những từ ngữ tìm được. GV viết những từ ngữ này lên bảng.+ 2-3 HS đánh vần, đọc trơn, mỗi HS chỉ đọc một số từ ngữ. Sau đó cả lớp đọc đồng thanh một số lần.**2. Nam nhờ chim bồ câu gửi thư làm quen với một người bạn. Hãy giúp Nam chọn từ ngữ phù hợp để Nam giới thiệu mình.**- GV yêu cầu HS quan sát tranh minh họa.- Yêu cầu HS nói những gì quan sát được.- GV hỏi:+ Người gửi thư là ai? (Nam)+ Người nhận thư là ai ? ( Bạn mới quen của Nam).+ Người chuyển thư là ai ? ( Chim bồ câu).- GV giải thích thêm : nếu được huấn luyện, một số giống chim bồ câu có thể đưa thư tròn khoảng cách xa. Vì vậy, trước đây người ta có thể dùng chim bồ câu để đưa thư.- Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, trao đổi các câu hỏi :+ Trong các từ ngữ đã cho thì những từ ngữ nào đã xuất hiện trong văn bản Tôi là học sinh lớp 1 ?+ Những từ ngữ nào không có trong văn bản đó ?**3. Tìm từ ngữ dùng để chỉ tình cảm bạn bè.**- GV yêu cầu HS thực hiện nhóm đôi để thực hiện nhiệm vụ.- GV có thể gợi ý: Trong các từ ngữ đã cho, từ ngữ nào em có thể dùng để chỉ tình cảm của em với một người bạn.- Những từ ngữ dùng để chỉ tình cảm bạn bè: thân thiết, gần gũi, quý mến.- GV gọi một số HS trình bày.- GV và HS nhận xét. | - HS lắng nghe.-HS làm việc nhóm đôi,-HS trình bày.-HS đọc-HS làm việc nhóm đôi,-HS trình bày.-HS đọc-HS quan sát.-HS trình bày.-HS trả lời.-HS trả lời.-HS trả lời.-HS lắng nghe.-HS thảo luận, trả lời.-HS thảo luận nhóm đôi.-HS trình bày.-HS lắng nghe. |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gìáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **4. Nói về một người bạn của em.**- GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi để thực hiên nhiệm vụ.- GV gợi ý:+ Bạn ấy tên là gì?+ Học lớp mấy?+ Ở trường nào?+ Bạn ấy thích chơi trò chơi gì?+ Em hay chơi trò chơi gì với bạn ấy?+ Tình cảm của em đối với bạn ấy thế nào?- Yêu cầu HS trình bày trước lớp nói về một người bạn.- Gọi HS nhận xét.- GV nhắc lại một số ý mà HS đã trình bày.- GV nhận xét, khen ngợi một số HS có ý tưởng hay, tình cảm chân thành.**5. Giải các ô chữ để biết được người bạn của Hà.**- GV nêu nhiệm vụ.- Yêu cầu 1 HS đọc to câu lệnh.- GV hướng dẫn HS cách thức điền từ ngữ theo hàng ngang. Từ ngữ cần điền vào ô chữ cũng là từ ngữ cần điền vào các câu gợi ý. Trong bài Tôi và các bạn, HS đã được học 5 văn bản. 5 câu gợi ý tương ứng với 5 văn bản đọc.- Sau khi điền đủ 5 từ ngữ hàng ngang (1. giải thưởng, 2. sinh nhật, 3. đôi tai, 4. bạn, 5. học sinh), ở hàng dọc, HS sẽ nhìn thấy từ **thanh**. - Yêu cầu HS đọc từ **thanh.****-** GV hỏi: Vậy tên người bạn mới của Hà là gì?**3. Củng cố.**- GV tóm tắt lại nội dung chính.- GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS. | - HS lắng nghe.-HS làm việc nhóm đôi,-HS trình bày.-HS nhận xét.-HS lắng nghe.-HS lắng nghe.-HS lắng nghe.-HS đọc.-HS lắng nghe, thực hiện.-HS đọc-HS trả lời.-HS lắng nghe.-HS lắng nghe |